

YẾU TỐ VĂN HÓA ẨN TRONG DỊCH TÊN RIÊNG TỪ TIẾNG VIỆT SANG TIẾNG ANH

*Nguyễn Thị Hồng Hà**
Email: nthha@uneti.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 02/06/2023

Ngày phản biện đánh giá: 05/12/2023

Ngày bài báo được duyệt đăng: 28/12/2023

DOI:

Tóm tắt: Bài báo này nhằm đánh giá tương đương dịch thuật Việt - Anh ở khía cạnh dịch tên riêng trên một tác phẩm văn học. Qua đó, các yếu tố văn hóa ẩn trong việc dịch tên riêng được phát hiện và phân tích. Tác phẩm văn chương gốc viết bằng tiếng Việt là câu chuyện “Hàng nước Cô Dân” của nhà văn Thạch Lam – một trong những cây bút văn xuôi nổi tiếng của Việt nam, và bản dịch đích của nó sang tiếng Anh là “The little tea seller”. Việc phân tích, đánh giá chủ yếu theo đường hướng định tính, dựa trên cơ sở phân loại tương đương dịch thuật của Kade (1968), kết hợp với cách xác định mức độ tương đương của Catford (1965). Kết quả nghiên cứu cho thấy về hình thức hầu hết tên riêng tiếng Việt được chuyển dịch nguyên sang tiếng Anh sau khi bỏ đi dấu (thanh), trong khi đó nghĩa biểu cảm ít nhiều bị thoát do yếu tố văn hóa gắn với tên riêng không thể chuyển tải được. Các trường hợp như vậy rất cần chú giải để độc giả đích có thể hiểu rõ hơn ý nghĩa của tên riêng. Một vài trường hợp dịch giả lược bỏ tên riêng, không dịch mà quy chiếu để thay thế, hay chuyển từ danh từ riêng sang danh từ chung.

Từ khóa: chất lượng, bản dịch, đánh giá, yếu tố văn hóa, tên riêng

I. Đặt vấn đề

Trong văn chương, một lượng lớn các tác phẩm văn học nước ngoài được dịch sang tiếng Việt, đã mang đến cho độc giả người Việt món ăn tinh thần vô cùng phong phú từ các nền văn hóa khác nhau trên thế giới. Quá trình dịch một tác phẩm là hành trình bắc cầu để người dịch đưa tác phẩm từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, chở theo yếu tố văn hóa trong đó. Với nghiên cứu dịch thuật, hoàn thành xong phần dịch một tác phẩm mới chỉ là kết thúc giai đoạn mở đầu. Giai đoạn tiếp theo là giai đoạn biên tập bản dịch và giai đoạn đánh giá chất lượng bản dịch, mà ở đó đánh giá là bước cần thiết để nâng cao chất lượng bản dịch. Theo quan điểm của một số nhà nghiên cứu dịch thuật như Hoàng Văn Vân (2006), Vũ Văn Đại (2012) and Lê Hùng Tiến (2018), thì đánh giá bản dịch vẫn chưa được nghiên cứu xứng tầm để chất lượng bản dịch ngày càng tốt hơn. Có thể kể đến một số nghiên cứu như nghiên cứu của: Lê Mỹ Hạnh (2010) và Hoàng Thị Diễm Hằng (2012) đánh giá chất lượng một chương trong tiểu thuyết văn học; Phạm Thị Thủy (2015) đánh giá chất lượng dịch các truyện ngắn; Nguyễn Thu Hằng (2016) đánh giá chất lượng của bốn bản

* Trường Đại học Kinh Tế-Kỹ Thuật Công nghiệp

dịch từ một bài báo; Trần Thị Minh (2016) đánh giá việc dịch tiêu đề các bộ phim; Triệu Thu Hằng (2019) đánh giá chất lượng bản dịch yếu tố văn hóa trong tác phẩm văn học; Nguyễn Thị Hồng Hà (2022) đánh giá chất lượng bản dịch cụm danh ngữ và động ngữ ở văn bản trong lĩnh vực kinh doanh. Các nghiên cứu đa số thường tập trung vào đánh giá chất lượng bản dịch Anh – Việt, còn ở chiều ngược lại việc đánh giá bản dịch Việt – Anh chưa có nhiều nghiên cứu đề cập tới.

Bởi vậy, bài báo này hướng tới việc đánh giá chất lượng bản dịch Việt – Anh trên tác phẩm văn chương của một trong những tác giả nổi tiếng của dòng văn xuôi Việt nam – nhà văn Thạch Lam với tác phẩm “*Hàng nước Cô Dàn*”. Bản gốc tiếng Việt nằm ở Chương 19 trong tác phẩm “*Hà Nội băm sáu phố phường*” của nhà văn Thạch Lam. Đây là tập bút ký đầu tiên về Hà Nội với đề tài âm thực. Ngay từ lần đầu tiên được Nhà xuất bản Đời nay phát hành năm 1943, cuốn sách của nhà văn Thạch Lam đã gây tiếng vang lớn trong văn đàn. Tác phẩm này được dịch trong tập “*Hanoi of the thirty-six streets and guilds*” của Nhà xuất bản Ngoại văn (Foreign Languages Publishing House) năm 1982. Bản dịch tiếng Anh của tác phẩm này được dịch bởi nhóm tác giả gồm: Marry Cowan, Carolyn Swetland, Đặng Thế Bình, Paddy Farrington, Elizabeth Hodgkin, và Hữu Ngọc. Bản song ngữ cũng được chọn đưa vào cuốn sách chuyên khảo “*Dịch thuật: những tri thức cần thiết*” của tác giả Nguyễn Thượng Hùng, ra mắt năm 2014 bởi nhà xuất bản Tri thức. Đơn vị ngôn ngữ trong bản gốc được lựa chọn để đánh giá sự tương đương dịch thuật là dịch tên riêng chỉ người, chỉ tên nước, tên địa điểm và lễ hội.

Câu hỏi nghiên cứu được đặt ra là:

“*Tên riêng, ở bản dịch sang tiếng Anh từ tác phẩm “Hàng nước cô Dàn” của nhà văn Thạch Lam tương đương như thế nào với bản gốc tiếng Việt?*”

Để trả lời câu hỏi này, tác giả đã tiến hành phân tích đánh giá mức độ tương đương của tên riêng tiếng Việt khi dịch sang tiếng Anh, bao gồm tên riêng chỉ người, chỉ tên nước, chỉ địa điểm và lễ hội.

II. Cơ sở lý luận

Nói tới đánh giá chất lượng bản dịch là nói tới tương đương dịch thuật. Đây là khái niệm nền tảng trong lý thuyết dịch và cũng là tiêu chí chủ chốt để đánh giá chất lượng bản dịch. Baker (1993, đã chỉ ra ba cấp độ tương đương về hình thức ngôn ngữ gồm tương đương *cấp độ từ*, *cấp độ câu*, và *cấp độ văn bản*, trong khi Newmark (1991) cho rằng hiệu ứng tương đương bản dịch phải tạo được cho độc giả đích *giống hệt (hoặc giống sát nhất có thể)* với hiệu ứng của bản nguồn tạo ra cho độc giả nguồn. Ông cũng nhận định rằng hiệu ứng tương đương là điều mong ước của bất kỳ bản dịch nào. Newmark với kinh nghiệm dày dặn của mình trong thực hành công việc dịch qua thời gian dài, đã đúc kết được mô hình đánh giá bản dịch gồm năm bước cụ thể. Còn theo Kade (1968), có bốn cách để xác định tương đương dịch thuật, đó là: (i) tương đương dựa vào *hình thức* (cấp độ từ, câu, văn bản); (ii) tương đương dựa vào *nghĩa* (biểu cảm, biểu vật, ngữ dụng, quy thức); (iii) tương đương về *chức năng* (động, tĩnh); (iv) tương đương về *số lượng* (một-một; một-nhiều; một-một phần; không).

Trong khuôn khổ bài báo này, tác giả dựa vào sự phân loại tương đương của Kade để đánh giá các yếu tố văn hóa thể hiện trong bản gốc tiếng Việt và bản dịch tiếng Anh. Lý do là sự phân loại của Kade có thể được coi là khá trọn vẹn, bởi nó đã bao quát được cả về hình thức, nội dung,

chức năng và định lượng của đơn vị ngôn ngữ cần đánh giá. Trong tác phẩm này tên riêng, bao gồm tên riêng chỉ người, chỉ tên nước, chỉ địa điểm và lễ hội được chọn lọc để phân tích đánh giá, do chúng hàm chứa các yếu tố văn hóa đậm đà bản sắc tiếng Việt.

Tên riêng được định nghĩa là một danh từ hay cụm danh từ chỉ một người, nơi chốn hay đồ vật cụ thể, để đối lập với danh từ chung không nói tới cụ thể một người, nơi chốn hay đồ vật cụ thể nào (Nordquist, R. 2019). Tên riêng được viết hoa ở tất cả các ngôn ngữ, bởi chúng mang đặc trưng độc nhất của người hoặc sự vật (names of unique beings or things). Tên riêng, bởi vậy thường có thể bao gồm tên người, tên địa lý, tên đồ vật, tên con vật, tên tổ chức, tên ấn bản, hay tên sự kiện,...

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này chủ yếu áp dụng đường hướng định tính để phân tích, bởi theo nhiều học giả, đường hướng này có thể phân tích dữ liệu một cách sâu sắc, phong phú và có giá trị để đạt hiệu quả trong các ngữ cảnh phức tạp. Nó có thể mô tả hiện tượng một cách tự nhiên như nó vốn có, nên bởi vậy về bản chất đường hướng định tính có tính quy nạp, phù hợp với nghiên cứu này để khai thác mức độ tương đương dịch thuật của các đơn vị ngôn ngữ chứa đựng yếu tố văn hóa. Đường hướng định lượng chỉ xếp vai trò thứ yếu khi tổng hợp số liệu.

Khung phân tích của nghiên cứu dựa trên sự phân loại tương đương dịch thuật của Kade (1968), bao gồm: (i) tương đương dựa vào *hình thức* (cấp độ từ, câu, văn bản); (ii) tương đương dựa vào *nghĩa* (biểu cảm, biểu vật, ngữ dụng, quy thức); (iii) tương đương về *chức năng* (động, tĩnh); (iv) tương đương về *số lượng* (một-một; một-nhiều; một-một phần; không). Về mức độ tương đương, nghiên cứu này áp dụng quan điểm của Carford (1965) là *tương đương toàn phần (full equivalence)*, *tương đương một phần (partial equivalence)*, và *không tương đương (non-equivalence)*. Đơn vị ngôn ngữ được tiến hành phân tích là tên riêng tiếng Việt “Hàng nước Cô Dàn” của nhà văn Thạch Lam được đăng trong tuyển tập “Hà nội băm sáu phố phường” của Nhà xuất bản Ngoại văn (Foreign Languages Publishing House) năm 1982 và bản dịch tiếng Anh nhóm tác giả gồm: Marry Cowan, Carolyn Swetland, Đặng Thế Bình, Paddy Farrington, Elizabeth Hodgkin, và Hữu Ngọc. Cả bản gốc và bản dịch đều có mặt trong cuốn sách chuyên khảo “*Dịch thuật: những tri thức cần thiết*” của tác giả Nguyễn Thượng Hùng, năm 2014.

IV. Kết quả và thảo luận

Trong bản gốc tiếng Việt, có 15 lần tên riêng xuất hiện, trong đó gồm tên của nước ta thời kỳ Pháp thuộc – An Nam, tên của cô chủ hàng nước – cô Dàn, tên các khu chợ, tên thành phố, và tên lễ hội. Có thể thấy hầu hết tên riêng ở bản gốc được chuyển dịch nguyên xi, không có dấu (thanh) sang bản dịch tiếng Anh.

4.1. Dịch tên riêng chỉ người

Với bốn lần xuất hiện trong bản gốc, tên cô chủ hàng nước đôi khi được dùng riêng: Cô Dàn, đôi khi được dùng gắn với quán hàng của cô: hàng Cô Dàn được xuất hiện ở bản dịch lần lượt là: không dịch (code 1.0-ở tiêu đề và code 1.3), *Dan* (code 1.1; code 1.2), và dịch vào quy chiếu địa điểm ‘*the place*’ ở code 1.3. Bảng 4.1. cung cấp chi tiết về mức độ tương đương dịch tên riêng ở bản dịch so với bản gốc.

Bảng 4.1. Mức độ tương đương dịch tên riêng chỉ người

Code	Bản gốc	Bản dịch	Mức độ tương đương			
			Hình thức	Nghĩa	Chức năng	Số lượng
1.0	“Hàng nước cô Dần”	“The little tea seller”	0	- +	- +	=
1.1	Cô Dần là một thiếu nữ hãy còn trẻ	Dan is very young	-	-	-	-
1.2	Nhưng hàng cô Dần có một chút đặc biệt hơn:	Dan’s little shop is different only in one respect.	=	- +	- +	=
1.3	Nên hàng cô Dần đông khách lắm	So there is no need to ask how the place comes to be so popular.	0	-	=	-
Total 4			2.0 1= 1-	2- 2+-	2+- 1= 1-	2= 2+

(=: full equivalence; -: partial equivalence; 0: non- equivalence; +addition)

Xét về hình thức, ở tiêu đề (code 1.0) người dịch đã lược bỏ đi tên riêng của cô hàng nước ở bản dịch, dẫn tới nghĩa của tiêu đề bị mất đi một phần tính cụ thể, tính sở hữu của chủ thể người bán hàng là ‘*Cô Dần*’. Tuy nhiên, tính từ ‘*little*’ lại được thêm vào tiêu đề làm cho nó mang đặc tính mô tả chân dung của người bán hàng, tăng tính biểu cảm về nghĩa. Cụm từ chỉ tên riêng ‘*Cô Dần*’ (code 1.1) là cách nói đặc trưng văn hóa của người Việt, khi gắn kèm tên riêng là cách xưng hô theo quan hệ thân tộc (cô, dì, chú, bác), nhưng lại không phải là thân tộc. Cách xưng hô này thể hiện phần nào tuổi tác của người đó, và thái độ của người nói với nhân vật. Tên ‘*Cô Dần*’ có thể gợi cho độc giả nguồn rằng ‘*Cô Dần*’ là một cô gái còn trẻ, chắc chưa lập gia đình. Ngoài ra, trong văn hóa Việt khi nhắc đến những người tuổi ‘*Dần*’, người ta liên tưởng ngay đến những người cảm tình con hổ vào năm họ sinh ra, ít nhiều gắn biểu cảm đến tính cách mạnh mẽ, táo bạo của loài vật là chúa sơn lâm này, và những cô gái tuổi Dần theo quan niệm dân gian thường cao số, khó lấy chồng. Một trong những bộ phim của Việt nam gần đây có tên là ‘*Quý cô tuổi Dần*’ cũng mang tới những liên tưởng như vậy cho người xem. Bởi vậy, bản dịch tiếng Anh là ‘*Dan*’ dịch sao phỏng nguyên xi không có dấu chỉ đơn thuần là một cái tên của người Việt như bao cái tên khác (*Dần, Dân, Đản, Đán, Đan...*) mà thôi. Có thể thấy đây là nét văn hóa ẩn chứa nhiều ý nghĩa trong cái tên Việt của người Việt, mà không thể chuyển tải tương đương trọn vẹn sang tiếng Anh. Bản gốc ở mã 1.2 (code 1.2) ‘*hàng cô Dần*’ được dịch thành ‘*Dan’s little shop*’, mặc dù nghĩa bị thoát ít nhiều ở tên của cô chủ cửa hàng, nhưng cửa hàng của cô lại được khoác thêm tính từ ‘*little*’ mang đến cho độc giả đích hiểu thêm về không gian bé bé, xinh xinh của quán hàng nước cô Dần, mà thực chất đúng nó là quán nhỏ ven đường phía ngoài cổng chợ. Tương tự, cùng một cụm tên như thế ở bản gốc, nhưng bản dịch ở mã 1.3 (code 1.3) được dịch thành ‘*the place*’, dịch giả đã chuyển từ danh từ riêng ‘*hàng cô Dần*’ thành danh từ chung ‘*place*’ để thay thế kèm quán từ xác định ‘*the*’, để độc giả đích qui chiếu nó về mã 1.2 (code 1.2) là ‘*Dan’s little shop*’.

4.2. Dịch tên riêng chỉ đất nước, chỉ địa điểm và lễ hội

Với tên nước và tên riêng chỉ địa điểm, chủ yếu phương pháp chuyển dịch (transference) được áp dụng để giữ trọn tính độc nhất, vô nhị của tên, tuy không có thanh (Bảng 4.2).

Bảng 4.2. Mức độ tương đương dịch tên riêng chỉ đất nước, chỉ địa điểm, và lễ hội

Code	Bản gốc	Bản dịch	Mức độ tương đương			
			Hình thức	Nghĩa	Chức năng	Số lượng
1.5	... như các bát uống nước ở tất cả các hàng An Nam ,just like every other little refreshment stalls in Vietnam.	=	+	=	=
1.6	Cô hàng nước An Nam là nhân vật biệt hiệu nhất ...	In Vietnam such tea-sellers are very typical.	=	+	=	=
1.7	... của sự sinh hoạt An Nam.		-	-	-	-
1.8	Cô hàng nước An Nam từ xưa đến nay đã chiếm một địa vị quan hệ trong lịch sử và trong văn chương;	The little woman tea-seller from long times past has held an important place in the traditional and literature of Vietnam.	0	+	+	=
1.9	Cô nhũn nhặn lắm: cô mặc một cái áo tứ thân nâu cũ, giản dị và đằm đằm như các cô gái An Nam.	She is a girl of simple modesty, wearing a plain brown tunic sewn in four panels. She is unassuming and hard working like all the girls of Vietnam.	=	=	=	=
1.10	...là cái tinh hoa thuần túy của người An Nam từ xưa xưa đến nay.	...have long been the puriest native flowers of Vietnam.	=	=	=	=
1.11	Trong mấy ngày Tết , người ta mới thấy cô khoác cái áo mới hơn một chút...	Only at the Tet Festival will you see her in a rather less patched tunic ...	=	+ -	=	=
1.12	Một hai năm nữa, lớn lên đi lấy chồng, ai là người thay cô trông nom ngôi hàng nước của " Hà Nội là động tiên sa?"	In some years she will marry. Then who will take her place at the litte tea-counter in the fair city of Hanoi?	=	=	=	=
1.13	Một mình cô trông nom cái cửa hàng nước ở trước chợ Đông Xuân ,...	She manages her little business quite alone in front of Dong Xuan market.	=	-	=	=
1.14	... để kéo dài mãi mãi cái phong vị bình dân mà mộc mạc của các cô hàng nước cùng với các cô hàng xén kiu kịt đi chợ Đông, chợ Đoài , to continue indefinitely the succession of simple, popular pleasures that give the streets of Hanoi their magic. The tea-sellers and the little street merchants of haberdashery ...	-	-	-	0
1.15			-	-	-	0
Total			7=	3+	1+	8=

11			1.0 3-	1+- 3= 4-	7= 3-	2.0 1-
----	--	--	-----------	-----------------	----------	-----------

(=: full equivalence; -: partial equivalence; 0: non- equivalence; +addition)

Theo lịch sử, An Nam là tên gọi chính thức của triều đình phong kiến Việt nam trong giao thiệp với triều đình Trung hoa. Từ đầu thế kỉ XX về trước, trong các văn kiện, người Việt thường xưng An Nam quốc, và tùy bút ‘*Hà nội băm sáu phố phường*’ của nhà văn Thạch Lam, trong đó có câu chuyện ‘*Hàng nước cô Dân*’ được viết vào năm 1943 – quãng thời gian mà tên gọi này đang thường được dùng. Bản dịch tiếng Anh chuyển thành ‘*Vietnam*’ ở hầu hết tất cả các trường hợp (code 1.5 – code 1.10) có từ ‘*An Nam*’ ở bản gốc, rất cần có chú thích để người đọc đích hiểu được đó là một tên gọi cũ của nước Việt nam trong một giai đoạn lịch sử, nay không còn được dùng nữa. Ở bản gốc, tên riêng ‘*An Nam*’ thường được dùng với chức năng sở hữu, đi kèm một danh từ chung phía trước nó, như ‘*hàng*’, ‘*cô hàng nước*’, ‘*các cô gái*’, ‘*người*’. Ở bản dịch, ngoài sự nhất quán về dịch sang ‘*Vietnam*’, thì danh từ chung đi kèm nó cũng rất đa dạng, phong phú: ‘*hàng An Nam - little refreshment stalls in Vietnam (code 1.5)*’; ‘*Cô hàng nước An Nam - such tea-sellers (code 1.6)*’; ‘*Cô hàng nước An Nam - The little woman tea-seller (code 1.8)*’; ‘*sự sinh hoạt An Nam - In Vietnam (code 1.7)*’; ‘*các cô gái An Nam - the girls of Vietnam (code 1.9)*’; ‘*người An Nam - flowers of Vietnam (code 1.10)*’. Chỉ ở mã 1.6 và 1.8 (code 1.6 và 1.8) là danh từ An Nam được lược bỏ ở bản dịch, mà thay vào đó danh từ số ít ‘*cô hàng nước An Nam*’, ngụ ý là cô Dân là đại diện được chuyển sang số nhiều ‘*tea-sellers*’ (code 1.6) nhằm khái quát các cô bán hàng nước của An Nam đều giống cô Dân; và ở mã 1.8 (code 1.8) quán từ ‘*the*’ được dùng vào để xác định đó là cô Dân. Đặc biệt, là ở mã 1.10 (code 1.10) ‘*cái tinh hoa...của người An Nam*’ được dịch thành ‘*flowers of Vietnam*’, thực sự cũng chưa lột tả được cái tinh túy, cốt cách của người Việt mà nhà văn Thạch Lam muốn gửi gắm.

Bản dịch ở mã 1.11 (code 1.11) ‘*Tet Festival*’ được dùng để dịch cho ‘*mấy ngày Tết*’ có thể coi là tương đương vượt trội về qui mô vì khi nói tới từ ‘*Festival*’, người ta nghĩ ngay tới những lễ hội hoành tráng. Tuy nhiên, xét ở góc độ biểu cảm thì cụm từ ở bản gốc tác giả muốn truyền tải là cái bình dị, truyền thống của lễ Tết người Việt xưa như một nét chấm phá về thời gian, mà ở đó con người An Nam cũng như cô hàng nước có những đổi thay về diện mạo: nền nã hơn, thanh lịch hơn ngày thường. Nên chăng, bản dịch cần có chú thích để độc giả đích hiểu được đây là ngày lễ cổ truyền lớn nhất trong năm của người Việt, rất thiêng liêng và ai ai cũng có những thay đổi khác ngày thường. Mã 1.12 và 1.13 (Code 1.12 và 1.13) cho thấy sự tương đương khá trọn vẹn ở bản dịch tên riêng của thủ đô ‘*Hanoi*’, và tên chợ ‘*Dong Xuan market*’. Với Hà nội, người nước ngoài sẽ dễ dàng tri nhận ra là thủ đô của Việt nam, nhưng khi nói tới chợ Đồng Xuân thì không phải ai cũng hiểu đó là khu chợ sầm uất, nổi tiếng của thủ đô ở thế kỷ trước. Bởi vậy, sẽ là đầy đủ nghĩa biểu cảm nếu bản dịch bổ sung thêm chú giải cụ thể hơn về tên riêng này. Ở mã 1.14 và 1.15 (code 1.14 và code 1.15) mặc dù là hai tên riêng, được viết hoa ở bản gốc, song nghĩa của chúng không chỉ cụ thể một khu chợ nào ở đất Hà thành cả, mà thông điệp tác giả muốn gửi tới là các cô hàng xen dăm dăng, tất tả với gánh hàng trĩu vai đi bán khắp chợ này, chợ kia ở đất Hà thành. Danh từ riêng ‘*Đông*’ và ‘*Đoài*’ cũng thường được các nhà thơ Việt nam dùng đến trong các tác phẩm của mình, đặc biệt là nhà thơ Nguyễn Bính ‘*Thôn Đoài ngời nhớ thôn Đông/ Một người chín nhớ mười*

mong một người'. Tên riêng của hai khu chợ này bị lược bỏ hoàn toàn ở bản dịch tiếng Anh, làm thoát nghĩa biểu vật và biểu cảm của chúng. Người đọc đích sẽ không hình dung được phạm vi rộng lớn mà các cô gái An Nam bán hàng xen mừu sinh ở đất Hà thành ngày xưa.

V. Kết luận

Nghiên cứu này chủ yếu dựa vào đường hướng định tính, áp dụng cách phân loại tương đương của Kade (1968), bao gồm tương đương về hình thức, về nghĩa, về chức năng, và về số lượng, trong đó chủ yếu là về hình thức và nghĩa. Cơ sở phân loại này được kết hợp với quan điểm đánh giá mức tương đương của Carford (1965) là tương đương toàn phần, một phần và không tương đương. Kết quả nghiên cứu cho thấy về chức năng và số lượng bản dịch hầu như tương đương toàn phần so với bản gốc, ít thay đổi. Về hình thức hầu hết tên riêng tiếng Việt được chuyển dịch nguyên xi sang tiếng Anh sau khi bỏ đi dấu (thanh). Ở một góc độ nào đó, tên riêng tiếng Việt nếu không có thanh thì không còn là tiếng Việt, nên phần nào đó nó cũng bị mất đi tính độc đáo của ngôn ngữ Việt. Xét về nghĩa biểu cảm ít nhiều bị thoát do yếu tố văn hóa gắn với tên riêng không thể chuyển tải được, mặc dù dịch giả có bổ sung thêm tính từ mô tả. Đề độc giả đích có thể hiểu rõ hơn ý nghĩa của tên riêng, các trường hợp như vậy rất cần chú giải cuối trang. Việc lược bỏ tên riêng, không dịch, hay thay vào đó là quy chiếu bằng hay chuyển sang danh từ chung cũng làm cho tên riêng ở bản dịch bị mất đi phần nào nghĩa của chúng so với bản gốc.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Baker, M. 'Corpus Linguistics and Translation Studies – Implications and Applications'. In Text and Technology, (ed.) by Mona Baker, Grill Francis, and Elena Tognini- Bonelli, 1993, 233-50. Amsterdam: John Benjamins.
- [2]. Bredart, S., Brennen, T., Valentine, T. The Cognitive Psychology of Proper Names. Routledge, 1996.
- [3]. Cowan, M., Swetland, C., Đặng Thế Bình, Farrington, P., Hodgkin, E., & Hữu Ngọc. Hanoi of the thirty-six streets and guilds. Foreign Languages Publishing House, Hà Nội. 1982.
- [4]. Catford, J. A Linguistic Theory of Translation: An Essay in Applied Linguistics. Oxford: Oxford University Press, 1965.
- [5]. Kade, O. Translation theory- Today and Tomorrow. Leipzig, 1968.
- [6]. Lê Hùng Tiến. Phê bình đánh giá dịch thuật: Một số vấn đề về lý luận cơ bản và thực tiễn dịch thuật. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018.
- [7]. Lê Hùng Tiến, Đỗ Minh Hoàng, Nguyễn Phương Trà. Lý thuyết và thực tiễn dịch thuật Anh-Việt: một số vấn đề về lý luận và phương pháp cơ bản. Đề tài nghiên cứu cấp Quốc gia: ĐHNN-ĐHQG Hà Nội, 2006.
- [8]. Newmark, P. About translation. Toronto, Sydney: Multilingual Matters Ltd, 1991.
- [9]. Nguyễn Thượng Hùng. Dịch thuật: Từ lý thuyết đến thực hành. NXB Văn hóa Sài Gòn, 2005.
- [10]. Nguyễn Thượng Hùng. Dịch thuật: Những tri thức cần thiết. NXB Tri Thức, 2014.
- [11]. Nordquist, R. What makes something a proper name?. [what makes something a proper name by Richard Nordquist - Search \(bing.com\)](#) , 2019.
- [12]. Thạch Lam. Hà nội băm sáu phố phường. NXB Đời Nay, 1934.

CULTURAL FACTORS EMBEDDED IN VIETNAMESE – ENGLISH TRANSLATION OF PROPER NAMES

Nguyen Thi Hong Ha[†]

Abstract: *This paper aims to assess the translation quality of Vietnamese - English translation in terms of translating proper names in a literary text. Cultural factors embedded in translating proper names are revealed and analyzed. The chosen source text is “Hàng nước cô Dần” by Thạch Lam – one of the well-known writers of Vietnam, and its English translation version “The little tea seller”. The analysis and assessment on translating proper names of the target text, mainly in qualitative method, is based on Kade’s equivalence classification (1968) in the combination of Catford’s point of view (1965) on equivalence extent. The findings of this study reveals that most of the cases, proper names in the source text are the same transferred to the target text in terms of form while the connotative meaning is partially lost since the cultural implication related to Vietnamese proper names is unlikely to be translated into English. Therefore, the additional explanation for them seems to be critical in the translated text. In other several cases, ellipsis is applied, there is a reference or a general noun is resorted to replace.*

Keywords: *translation, quality, assessment, cultural factors, proper names.*

[†] University of Economics - Technology for Industries